TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2019/HS-ST
Ngày: 26 - 9- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ - TỈNH THÁI NGUYÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Liên

2. Bà Dương Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân T - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2019/TLST- HS, ngày 21 tháng 8 năm 2019, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên**: Phạm Văn T,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 02/4/1971.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 03/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đình T, con bà: Lê Thị Q, đều đã chết. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; có vợ là: Vũ Thị M, sinh năm 1973, có 02 con chung, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên**: Phạm Văn V,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 05/10/1989.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đức Th, sinh năm 1967, con bà: Đặng Thị L, sinh năm 1968. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là: Cao Thị V, sinh năm 1999, có 01 con chung sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào được áp dụng biện pháp ngăn chặn

Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên**: Đỗ Trung T,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/3/1985.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ A, phường TL, thành phố SC, tỉnh TN; Chỗ ở: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Quang Đ, sinh năm 1959, con bà: Đinh Thị N, sinh năm 1960. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là: Trần Thị Vân A, sinh năm 1983, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/12/2018 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội "Đánh bạc"; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 09/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên**: Vũ Đình S,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 29/6/1988.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đình C, sinh năm 1956, con bà: Trần Thị D, sinh năm 1959. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ là: Dương Thị H, sinh năm 1991, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên**: Đỗ Văn HT,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 04/3/1987.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Hùng L, sinh năm 1952, con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1954. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có vợ là: Lương Thị L, sinh năm 1986, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên**: Nguyễn Trung K,** tên gọi khác: không, sinh ngày 30/10/1982

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tiến M, sinh năm 1958, con bà: Phạm Thị Th, sinh năm 1960. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là: Dương Bích H, sinh năm 1986, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên**: Ngô Đại P,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/01/1995.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Quang L, sinh năm 1968, con bà: Vũ Thị H, sinh năm 1965. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 04/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên**: Ngô Văn H,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/11/1985.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn M, đã chết, con bà: Hoàng Thị S, sinh năm 1953. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; có vợ là: Lưu Thị H, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 01 con chung sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 04/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên**: Nguyễn Thế V,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 26/9/1989.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1964, con bà: Trần Thị Quỳnh H, sinh năm 1966. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ là: Nguyễn Thu H, sinh năm 1994, có 01 con chung sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên**: Lương Văn B,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 18/5/1960.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn L, đã chết, con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1931. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 12/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên**: Lê Đình C,** tên gọi khác: Không, sinh ngày 30/8/1987.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm AD, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đình H, Sinh năm 1959, con bà: Vương Thị T, sinh năm 1964. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ

là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1997, có 01 con chung sinh năm 2018; tiền án: 02: Tại bản án số 46/HSST ngày 13/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, xử phạt 03 tháng tù, về tội: "Đánh bạc"; Tại bản án số 25/HSST ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, xử phạt 04 tháng tù về tội: "Đánh bạc"; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù nHT cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 09/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên**: Nguyễn Ngọc Q,** tên gọi khác: không, sinh ngày 18/6/1977

Nơi đăng ký HKTT: Tổ A, phường CH, thành phố TN, tỉnh TN; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ, đã chết, con bà: Lại Thị L, sinh năm 1944. Gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ bẩy trong gia đình; có vợ là: Đào Thị Hồng V, sinh năm 1978, có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2019 đến ngày 27/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1973 - Có mặt

Trú tại: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

***- Người làm chứng*:**

1. Anh Vũ Xuân H, sinh năm 1984 – Vắng mặt

Trú tại: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1956 – Vắng mặt

Trú tại: Tổ S, phường CH, thành phố TN, tỉnh TN.

***- Người chứng kiến*:** Anh Đinh Văn T, sinh năm 1987 – Vắng mặt

Trú tại: Xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 55 phút ngày 12/3/2019, tổ công tác Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang tại gia đình anh Nguyễn Quang C, sinh năm

1973, trú tại: xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN có một số đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, cụ thể gồm: Vũ Đình S, Đỗ Trung T, Nguyễn Trung K, Ngô Văn H, Đỗ Văn HT, Lê Đình C, Ngô Đại P và Lương Văn B.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: số tiền 6.270.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 đĩa sứ màu trắng không có hoa văn; 01 bát sứ màu trắng không có hoa văn; 04 quân vị bằng tre, một mặt màu đen, một mặt không S; 01 chiếu nhựa đôi màu hoa xanh kích thước 1,8m x 2m; 01 vỏ chăn màu đỏ có họa tiết kẻ kích thước 2,1m x 1,8m; 01 bút dạ nhãn hiệu Thiên Long marker màu đen. Ngoài ra còn thu giữ 01 mảnh đóm tre kích thước 1cm x 20cm; 01 con dao loại dao Inox chuôi nhựa, kích thước 28,5cm x 7cm và thu giữ trên người Vũ Đình S số tiền 40.000.000 đồng; trên người Lê Đình C số tiền 2.700.000 đồng; trên người Nguyễn Trung K số tiền 4.000.000 đồng.

Khi bắt quả tang các đối tượng đánh bạc nêu trên, thì có một số đối tượng cũng tham gia đánh bạc nhưng đã bỏ chạy thoát.

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã tiến hành triệu tập Nguyễn Thế V, Phạm Văn V, Phạm Văn T để đấu tranh làm rõ hành vi của các đối tượng và các đối tượng này thừa nhận ngày 12/3/2019 có tham gia đánh bạc tại nhà anh C.

Căn cứ lời khai của các đối tượng nêu trên, ngày 11/7/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Ngọc Q.

Tại cơ quan điều tra các bị can khai nhận như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 12/3/2019, T, B, C, V và T đến nhà anh Nguyễn Quang C thuộc xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN để hộ đám cưới con anh C. Tại đây, T có nói với T, V là "đợi bớt khách thì chơi tí", tức là rủ mọi người đánh bạc, thì mọi người đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày T, T, V đi ra khu vực phía sau bếp nhà anh C thì gặp B, HT đang ngồi ở đó, trên 01 chiếc chiếu nhựa. T liền lấy 01 chiếc vỏ chăn, trải lên chiếu để cùng nhau ngồi đánh bạc. T là người chuẩn bị bát sứ, đĩa sứ, còn V là người dùng dao chẻ đóm T quân vị và dùng bút dạ màu đen (do T mua để ghi vé xe đám cưới) tô đen một mặt quân vị. Cùng lúc đó V đi vệ sinh qua thấy nên cũng vào tham gia cùng. Khi V vào thì B nói với V "mày xóc cái đi", V đồng ý và ngồi xuống bắt đầu xóc cái. Quy định bên tay phải V là cửa chẵn gồm có B, HT, T; bên tay trái V là cửa lẻ có V; ngồi đối diện V là T. Chơi được khoảng 20 phút V hết tiền và bố gọi về nên về trước. Lúc này, HT thay V xóc cái. Khi HT xóc cái thì có S, K, P, H, C và Q đến tham gia đánh bạc cùng. Quá trình đánh bạc, HT vay tiền của S 02 lần, lần 1 là 3.000.000 đồng, lần 2 là 2.000.000 đồng. Sau đó, H vay tiền của S 01 lần 2.000.000 đồng (giữa S, H, HT không thỏa thuận gì về lãi suất). Gia đình anh C (chủ nhà) không biết việc các bị can đánh bạc tại nhà mình và không có ai thu tiền khi mọi người tham gia đánh bạc. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 22 giờ 55 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đồng Hỷ phát hiện bắt quả tang.

Hình thức đánh bạc như sau: Cách chơi là sử dụng 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị bằng tre có một mặt đen, một mặt trắng. Khi bắt đầu chơi, người xóc cái dùng bát úp lên đĩa, bên trong có 04 quân vị, xóc qua xóc lại rồi để xuống cH bạc. Khi mở bát, trong 04 quân vị có 02 quân vị mặt đen, 02 quân vị mặt trắng hoặc 04 quân vị mặt đen hoặc 04 quân vị mặt trắng thì ván bạc đó về cửa chẵn, còn khi mở bát có 03 quân vị mặt đen, 01 quân vị mặt trắng hoặc 03 quân vị mặt trắng, 01 quân vị mặt đen thì ván bạc đó về cửa lẻ. Người chơi sẽ đặt tiền cược vào bên chẵn hoặc lẻ nếu thắng cược thì được hưởng số tiền gấp đôi tiền đặt cược. Nếu thua cược thì bị mất số tiền đã đặt cược. Mọi người tùy thích đặt tiền vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ, tối thiểu mỗi lần đặt cược là 10.000 đồng, không quy định đặt cược tối đa. Nếu tổng số tiền bên thắng nhiều hơn bên thua thì người cầm cái bỏ tiền ra để trả cho những người tham gia đánh bạc nếu thừa thì người cầm cái được hưởng. Người tham gia đánh bạc ít nhất là 05 ván, nhiều nhất là 40 ván, tổng số tiền đặt cược 01 ván khoảng 50.000 đồng đến 600.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị can khai nhận và đều xác định số tiền 6.270.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là số tiền các bị can dùng để đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc các bị can dùng số tiền và số ván đánh như sau: Đỗ Văn HT có 5.200.000 đồng (trong đó 5.000.000 đồng vay của S), tham gia đánh bạc khoảng 40 ván; Phạm Văn V có 400.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 20 ván; Phạm Văn T có 90.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 20 ván; Đỗ Trung T có 80.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 20 ván; Vũ Đình S mang theo 46.000.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, cho HT vay 5.000.000 đồng, cho H vay 2.000.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 15 ván; Nguyễn Trung K mang theo 5.000.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, tham gia đánh bạc khoảng 15 ván; Ngô Văn H có 2.050.000 đồng (trong đó 2.000.000 đồng vay của S), tham gia đánh bạc khoảng 15 ván; Nguyễn Thế V có 400.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 15 ván; Lê Đình C mang theo 3.180.000 đồng, trong đó sử dụng 300.000 đồng để mừng đám cưới, 180.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh bạc khoảng 10 ván; Lương Văn B có 400.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 05 ván; Nguyễn Ngọc Q có 300.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 05 ván và Ngô Đại P có 150.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 05 ván.

Vật chứng của vụ án là số tiền 6.270.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng không có họa tiết hoa văn; 04 quân vị bằng tre, một mặt màu đen; 01 chiếu nhựa đôi có họa tiết hoa xanh kích thước 1,8m x 2m; 01 vỏ chăn màu đỏ có họa tiết kẻ, kích thước 2,1m x 1,8m; 01 bút dạ nhãn hiệu Thiên Long marker màu đen; 01 mảnh đóm bằng tre trên kích thước 1cm x 20cm và 01 con dao loại dao Inox chuôi nhựa, kích thước 28,5cm x 7cm. Hiện số vật chứng trên đang được bảo quản, lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Số tiền 40.000.000 đồng thu giữ trên người của S; 2.700.000 đồng thu giữ trên người của C và 4.000.000 đồng thu giữ trên người của K khi bắt quả tang. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo quản lý, sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKSĐH ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố các bị cáo Đỗ Trung T, Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V và Nguyễn Ngọc Q về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Đình C về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi như bản Cáo trạng truy tố. Các bị cáo xác định tối ngày 12/3/2019 sau khi ăn cưới tại nhà anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1973, trú tại: xóm AR, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN, các bị cáo đã rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 22 giờ 55 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Đồng Hỷ bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên Q định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Trung T, Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V, Lê Đình C và Nguyễn Ngọc Q phạm tội "*Đánh bạc"*.

- Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Lê Đình C** từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 09/6/2019. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Đỗ Trung T** từ 06 đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Phạm Văn T** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Phạm Văn V** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Lương Văn B** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Nguyễn Trung K** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Nguyễn Thế V** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Ngô Đại P** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Ngô Văn H** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Đỗ Văn HT** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Vũ Đình S** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 10 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt **Nguyễn Ngọc Q** từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý như sau:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.270.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng không có họa tiết hoa văn; 04 quân vị bằng tre, một mặt màu đen; 01 chiếu nhựa đôi có họa tiết hoa xanh kích thước 1,8m x 2m; 01 vỏ chăn màu đỏ có họa tiết kẻ, kích thước 2,1m x 1,8m; 01 bút dạ nhãn hiệu Thiên Long marker màu đen; 01 mảnh đóm bằng tre kích thước 1cm x 20cm và 01 con dao loại dao Inox chuôi nhựa, kích thước 28,5cm x 7cm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo HT, T, T, Việt, Q, H, K, S, C, B, P và V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong phần tranh luận các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật và xin được hưởng mức án thấp nhất để được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. **Về tội danh**: Vào khoảng 22 giờ 55 phút ngày 12/3/2019 tại nhà ở của gia đình anh Nguyễn Quang C, thuộc xóm AR, xã KM, huyện ĐHỷ, tỉnh TN, Đỗ Văn HT, Phạm Văn V, Phạm Văn T, Đỗ Trung T, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Ngô Văn H, Nguyễn Thế V, Lê Đình C, Lương Văn B, Nguyễn Ngọc Q và Ngô Đại P đang có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh "xóc đĩa" thì bị Công an huyện Đồng Hỷ phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.270.000 đồng là số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và một số vật chứng khác có liên quan.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác; đồng thời, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy việc truy tố để xét xử đối với các bị cáo Đỗ Trung T, Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V và Nguyễn Ngọc Q về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Đình C về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 321 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

d. Tái phạm nguy hiểm".

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[2]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau, do cùng nhau dự đám cưới nên mới nảy sinh hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo T, V chuẩn bị công cụ, dụng cụ để đánh bạc, bị cáo Việt là người xóc cái đầu tiên, sau khi Việt về thì bị cáo HT xóc cái; do đó các bị cáo T, T, V, Việt và HT tham gia vụ án với vai trò tích cực hơn các bị cáo khác.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Lê Đình C có nhân thân xấu, năm 2010 đã bị xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; năm 2016, 2017 đã bị xét xử về tội "Đánh bạc", chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Đối với bị cáo Đỗ Trung T chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu, ngày 31/12/2018 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội "Đánh bạc".

Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V và Nguyễn Ngọc Q chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều T khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải (mặc dù trong quá trình điều tra ban đầu bị cáo Nguyễn Ngọc Q còn quanh co, nhưng sau đó bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã tự nguyện khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải); do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V và Nguyễn Ngọc Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; do đó, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đỗ Trung T, Lê Đình C, Đỗ Văn HT và Vũ Đình S trong quá trình điều tra vụ án đã tích cực hợp tác với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ khai báo, nhận dạng thêm về đồng phạm mới giúp nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; do đó các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Đỗ Trung T còn có bố đẻ là ông Đỗ Quang Đạt là thương binh hạng 2/4, theo quy định tại Pháp lệnh Người có công thì bố bị cáo được xác định là Người có công với Cách mạng; do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Q được chính quyền nơi cư trú tặng nhiều giấy khen vì có T tích xuất sắc trong việc hiến đất xây dựng trường học và trong công tác phòng chống lũ lụt của địa phương; do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Đình C đã có 02 tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; tuy nhiên, đây là yếu tố định khung hình phạt; do dó bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo còn lại đều không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt: Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xem xét quyết định.

Đối với bị cáo Lê Đình C có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích; bị cáo Đỗ Trung T có nhân thân xấu, đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội "Đánh bạc"; các bị cáo C, T không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, cải tạo trở T người công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa C. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho cả 02 bị cáo. Bị cáo Lê Đình C được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đo đó, có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự Q định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Bị cáo Đỗ Trung T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V và Nguyễn Ngọc Q đều xuất thân từ những người lao động, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự mở lượng khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thu lời bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo**.**

[5]. **Vật chứng của vụ án**:

- Đối với 01 bát sứ; 01 đĩa sứ màu trắng không có họa tiết hoa văn; 04 quân vị bằng tre, một mặt màu đen; 01 chiếu nhựa đôi có họa tiết hoa xanh kích thước 1,8m x 2m; 01 vỏ chăn màu đỏ có họa tiết kẻ, kích thước 2,1m x 1,8m; 01 bút dạ nhãn hiệu Thiên Long marker màu đen; 01 mảnh đóm bằng tre kích thước 1cm x 20cm và 01 con dao loại dao Inox chuôi nhựa, kích thước 28,5cm x 7cm là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, đây là các vật dụng phục vụ sinh hoạt của gia đình anh Nguyễn Quang C, nhưng anh C không biết các bị cáo đã dùng các vật dụng này vào việc đánh bạc; xét thấy các vật dụng trên đã cũ, không có giá trị; đồng thời, anh C cũng không đề nghị lấy lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 6.270.000 đồng thu giữ trên cH bạc, là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 40.000.000 đồng thu giữ của bị cáo S; số tiền 2.700.000 đồng thu giữ của bị cáo C và số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của bị cáo K, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền này các bị cáo không dùng vào việc phạm tội và không liên quan đến tội phạm nên Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại cho các bị cáo quản lý, sử dụng là phù hợp.

[6]. Án phí: Các bị cáo Đỗ Trung T, Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V, Lê Đình C và Nguyễn Ngọc Q mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án có anh Nguyễn Quang C là chủ nhà, nơi mà các bị cáo đã sử dụng địa điểm để đánh bạc vào tối ngày 12/3/2019. Tuy nhiên, việc các bị cáo tự ý sử dụng địa điểm tại nhà ở của gia đình anh để đánh bạc anh C hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình C, Đỗ Trung T, Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V và Nguyễn Ngọc Q phạm tội "*Đánh bạc*".

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Lê Đình C** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 09/6/2019. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Đỗ Trung T** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến ngày 09/6/2019. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Phạm Văn T** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Phạm Văn V** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Nguyễn Thế V** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Lương Văn B** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Nguyễn Trung K** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Ngô Đại P** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Ngô Văn H** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Đỗ Văn HT** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ **Vũ Đình S** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Nguyễn Ngọc Q** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Nguyễn Trung K cho Ủy ban nhân dân xã KM, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Thế V và Vũ Đình S cho Ủy ban nhân dân xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Q cho Ủy ban nhân dân phường Chùa Hang, T phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.270.000đ (Sáu triệu hai trăm bẩy mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, không có họa tiết hoa văn; 04 (bốn) quân vị làm bằng tre, một mặt màu đen; 01 (một) chiếu nhựa đôi có họa tiết hoa xanh kích thước 1,8m x 2m; 01 (một) vỏ chăn màu đỏ có họa tiết kẻ, kích thước 2,1m x 1,8m; 01 (một) bút dạ màu đen nhãn hiệu Thiên Long marker; 01 (một) mảnh đóm bằng tre kích thước 1cm x 20cm và 01 (một) con dao bằng inox, kích thước 28,5cm x 7cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa Công an huyện Đồng Hỷ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Đỗ Trung T, Phạm Văn T, Phạm Văn V, Lương Văn B, Đỗ Văn HT, Ngô Đại P, Ngô Văn H, Vũ Đình S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thế V, Lê Đình C và Nguyễn Ngọc Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã KM, huyện ĐH;
- UBND xã HT, huyện ĐH;
- UBND phường CH, TPTN;
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Huy Bắc